

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 21/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Quang Bằng và ông Lương Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 07/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Phùng Thị D, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1962 tại N, Q, Cao Bằng.

Nơi thường trú: Xóm C, xã N, huyện Q, Cao Bằng.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, Q, Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; con ông: Phùng Trung Đ và con bà: Nông Thị Đ1 (đã chết); chồng: Phan Văn H, sinh năm 1961, con: 03 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: không.

Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Văn L, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1986 tại Đ, Q, Cao Bằng

Nơi thường trú: xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nông dân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Đàm Văn K (đã chết), và con bà: Phan Thị H1, sinh năm 1949; vợ: Nông Thị K1, sinh năm 1988, con: có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư

trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Đàm Quốc P, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

+ Đặng Văn L1, sinh năm 1989. Trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại Đặng Văn L1:*

+ Chị Hà Thị X, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Vợ Đặng Văn L1)

+ Ông Đặng Văn Q, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Bố đẻ Đặng Văn L1)

+ Bà Triệu Thị C. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Mẹ đẻ Đặng Văn L1).

Những người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P, vắng mặt có lý do.

- *Những người làm chứng:*

+ Ông Đàm Văn L2, sinh năm 1984.

+ Ông Lăng Văn P1, sinh năm 1964.

+ Ông Nông Văn N, sinh năm 1964.

+ Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1958.

+ Ông Đàm Văn T, sinh năm 1974.

+ Ông Lăng Văn H2, sinh năm 1987.

+ Ông Triệu Văn D1, sinh năm 1970.

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1967.

+ Ông Nông Văn T2, sinh năm 1971.

+ Ông Phan Văn H3, sinh năm 1970.

+ Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1967.

+ Ông Đặng Văn T3, sinh năm 1967.

Đều trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện Q, Cao Bằng.

Tất cả những người làm chứng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 10/2023, Phùng Thị D đi đến nhà của Nông Thị L3 tại xóm Đ, xã C, huyện Q, Cao Bằng chơi. Khi D và L3 đang đứng trước cửa nhà nói chuyện thì có Đàm Văn L đi đến. Tại đây, D có nói với L3 và L về việc đang muốn tìm địa điểm xây dựng trạm cân để thu mua sản của người dân đem bán thì L nói với D là L có một mảnh đất tại xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng hiện nay đang không sử dụng vào việc gì, có thể xây dựng trạm cân nhỏ. Sáng hôm sau, D và L cùng đi đến mảnh đất của L để xem xét, nhận thấy mảnh đất có đủ điều kiện phù hợp để xây dựng trạm cân nên D và L đã thống nhất cùng hợp tác đầu tư xây dựng trạm cân, cụ thể: D sẽ là người chi tiền để xây dựng trạm cân, L là người cho sử dụng mảnh đất và các nguyên liệu sẵn có ở trên mảnh đất để xây dựng trạm cân, sau khi trừ chi phí xây dựng thì lợi nhuận thu được sẽ chia đôi. Quá trình xây dựng trạm cân, D là người gọi vật liệu, phương tiện đến để thi công, còn L là người tìm thợ đến để thi công trạm cân và trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn việc thi công. L đã gọi anh trai ruột là Đàm Văn L2 trú tại xóm B, xã Đ để tìm những người trong họ và hàng xóm trong xóm B đến để thi công xây dựng. Quá trình thi công trạm cân, tổ thợ xây do L2 gọi đến làm gồm có Đàm Văn L2, Lăng Văn P1, Nông Văn N, Hoàng Văn M, Đàm Văn T4, Lăng Văn H2, Triệu Văn D1, Hoàng Văn T1, Nông Văn T2, Đặng Văn Q1, Đặng Văn T3, Phan Văn H3 - cùng trú tại xóm B, Đ. Ngày 02/11/2023, khi công trình đang thi công thì bị Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản vi phạm do L chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất và đề nghị Luận đình chỉ thi công cho đến khi hoàn thành các thủ tục pháp lý. Ngày 03/11/2023, D và L biết rõ công trình có vi phạm, không đủ điều kiện để thi công nhưng vẫn cho tiếp tục thi công xây dựng trạm cân nhằm mục đích kịp hoàn thiện công trình trong mùa vụ nông sản. Quá trình thi công, L thường xuyên có mặt tại công trình và chỉ đạo, hướng dẫn thợ thi công. Đến ngày 10/11/2023 do hết vật liệu xây dựng nên nhóm thợ xây nghỉ thi công, còn nhóm thợ hàn gồm Đàm Văn Đ2, Đàm Quốc P, Hoàng Văn T5, Nông Văn H4, Đàm Văn S - cùng trú tại xóm B, Đ đang thi công hàn máng sắt vào bờ kè đá thì xảy ra sự cố bờ kè đá đổ sập làm cho Đặng Văn L1 và Đàm Quốc P bị đất đá đổ đè vào cơ thể. Hậu quả: Đặng Văn L1 tử vong trên đường đi cấp cứu, Đàm Quốc P bị thương được đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện.

Quá trình khám nghiệm hiện trường thể hiện: Trạm cân được thi công trên đám đất có kích thước (44,6x55,75)m. Tại hướng vào, sát đám đất có 01 đoạn đường được đào, xây bờ kè, đường rộng 6,34m, dài 20,3m, phần sâu nhất của đoạn đường cách mép đất ruộng 2,26m, cách đỉnh phần đất bù 4,82m. Trên mặt đường có nhiều đất đá, các khối đá hộc có bám dính vữa khô; sát mép đoạn đường có 01 khối bê tông cốt thép bị đổ gãy có kích thước (5,25x0,37x0,40)m, trong cốt bê tông có 04 thanh sắt phi 12. Phần tiếp giáp giữa đoạn đường và đám đất là một bờ kè đá chưa bị đổ hết (bờ kè được xây bằng vữa và đá hộc), bờ kè đá dài 26,45m; đầu bờ kè rộng 0,4m; cao 0,8m; vị trí bờ kè bị đổ rộng 0,5m, cao 1,85m.

Ngày 10/11/2023 và ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Q đã có Quyết định trưng cầu giám định để xác định nguyên nhân chết của Đặng Văn L1 và tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đàm Quốc P do vụ việc gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định tử thi số 059/23/KLGĐTT-TTPY của Trung tâm P2 đã kết luận về nguyên nhân chết của Đặng Văn L1:

1. Các kết quả chính:

** Kết quả khám nghiệm:*

- Đa vết, đám bầm tím, sây sát da vùng mồm khuỷu tay trái, vùng bụng, thắt lưng, bẹn mu, bẹn và hai chân.

- Gãy vỡ phức tạp xương mu hai bên; gãy trật khớp háng phải; gãy trật khớp gối trái;

- Dập đứt ruột phức tạp, dập rách đứt phức tạp mạc treo ruột, vỡ bàng quang.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân chết: Mất máu cấp, hậu quả của đa chấn thương nặng.

Tại Bản Kết luận giám định số 225/KLTTCT-TTPY ngày 26/12/2023 của Trung tâm pháp y Sở P2.

1. Các kết quả chính:

** Kết quả khám giám định:*

- Hiện tại trên thân thể không có dấu vết thương tích sau chấn thương: 0%

2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đàm Quốc P tại thời điểm giám định là 0% (không phần trăm).

Ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q có Công văn số 484/CV-CSĐT đề nghị Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng xác định có đủ căn cứ, dữ liệu để giám định nguyên nhân xảy ra sự cố sập bờ kè đá, giám định chất lượng 02 hòn đá có bám vữa hay không?

Tại công văn số 04/GĐTP-TTKĐ ngày 02/01/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng trả lời:

1. Về hồ sơ, tài liệu: Công trình Trạm cân trên được thi công khi không có giấy phép xây dựng, không có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nên không đủ căn cứ, dữ liệu để giám định nguyên nhân xảy ra sự cố tại công trình nêu trên;

2. Về đối tượng giám định là 02 hòn đá có bám dính vữa đã đóng rắn: Do không có yêu cầu cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định cũng như không có hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác giám định nên không đủ căn cứ, dữ liệu để giám định nguyên nhân xảy ra sự cố tại công trình nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Phùng Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm

tội của mình. Bị cáo Đàm Văn L lời khai ban đầu không thừa nhận cùng hợp tác đầu tư với bị cáo D mà chỉ cho bị cáo D thuê đất, quá trình thi công bị cáo không tham gia vào việc chỉ đạo thi công mà chỉ được gọi người đến làm giúp bị cáo D. Tuy nhiên, sau khi khởi tố thì bị cáo L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị hại và những người làm chứng.

Các đồ vật, tài liệu thu giữ gồm: 02 (hai) khối đá có bảm dính vữa không rõ hình thù, có kích thước (22x10x10)cm và (21x12x14)cm thu giữ tại vị trí bờ kè đá bị sập.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSQH ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến và nhất trí với nội dung các kết luận giám định; biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường...

Những người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1, bị hại Đàm Quốc P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 298; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị D số tiền 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn L số tiền 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản sự việc và các tài liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 10/2023 đến tháng đầu tháng 11 năm 2023 tại đám đất của bà Phan Thị H1 thuộc xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (đám đất được bà H1 chia cho Đàm Văn L nhưng chưa làm thủ tục sang tên), Phùng Thị D và Đàm Văn L đã cùng hợp tác đầu tư xây dựng trạm cân nông sản. Trong quá trình thi công xây dựng trạm cân đã không tuân thủ đúng theo quy định về xây dựng, cụ thể:

- Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng;
- Xây dựng công trình trên đất nông nghiệp nông thôn phạm vi xây dựng thuộc phạm vi đất cây xanh cách ly của Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 theo Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 02/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quá trình thi công, đã tự lựa chọn các cá nhân là lao động phổ thông, không có kinh nghiệm thi công để xây dựng công trình; chưa kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình, không có thiết kế bản vẽ thi công công trình; không thực hiện việc thông báo khởi công xây dựng công trình; không có biện pháp đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

Ngày 02/11/2023, bị cáo L đã bị Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản vi phạm và đình chỉ thi công nhưng ngày 03/11/2023 bị cáo D và L lại tiếp tục cho thi công xây dựng công trình khi chưa thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L đã không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ đầu tư, vi phạm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng quy định tại Điều 4; khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 89; Điều 115 Luật Xây dựng 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Hậu quả: Công trình bị sập đổ làm Đặng Văn L1 tử vong và Đàm Quốc P bị thương.

Do đó, hành vi vi phạm các quy định trên của các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại các điểm a, khoản 1 Điều 298 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 30/CT-VKSQH ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a, khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định về xây dựng và đảm bảo an toàn trong xây dựng đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai, áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt phù hợp là cần thiết, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; sau khi vụ việc xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Do vậy, các bị cáo D và L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phùng Thị D có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như các vấn đề khác liên quan trong vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định hình phạt. Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải; việc các bị cáo xây dựng trạm cân vi phạm các quy định về xây dựng cũng do các bị cáo nóng vội muốn kịp thời vụ thu nông sản mà không nhìn thấy hậu quả có thể xảy ra. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, tu dưỡng thành người công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình Đặng Văn L1 số tiền 220.000.000 đồng, bồi thường cho Đàm Quốc P số tiền 7.000.000 đồng. Những người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 (hai) khối đá có bám dính vữa không rõ hình thù, có kích thước (22x10x10)cm và (21x12x14)cm thu giữ tại vị trí bờ kè đá bị sập. Xét thấy không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 298; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phùng Thị D số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn L số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) khối đá có bám dính vữa không rõ hình thù, có kích thước (22x10x10)cm và (21x12x14)cm thu giữ tại vị trí bờ kè đá bị sập.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q tại Biên bản giao nhận vật chứng, lập hồi 15 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phùng Thị D và Đàm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Văn L1 và bị hại Đàm Quốc P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi Cục THADS huyện Quảng Hòa;
- Các bị cáo;
- Đại diện hợp pháp bị hại, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

